

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Hà Nội tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch Hội đồng thành viên (bổ nhiệm ngày 25/10/2024) Thành viên - Phụ trách Hội đồng thành viên đến ngày 24/10/2024
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/6/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Đức Lưu	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Lê Nam Khánh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Số: 69 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên
Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty"), được lập ngày 17/3/2025 và trình bày từ trang số 05 đến trang số 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh số 38 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được điều chỉnh hồi tố căn cứ vào kết quả rà soát báo cáo tài chính sau Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính số 116/KL-TTtr ngày 5/11/2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.780.376.596.241	4.754.342.481.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	488.860.977.474	660.048.959.170
1. Tiền	111		129.339.291.476	155.302.684.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		359.521.685.998	504.746.274.597
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.568.450.138.939	2.088.399.236.914
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.568.450.138.939	2.088.399.236.914
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.714.892.771.887	1.997.758.831.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	311.574.185.237	365.220.273.022
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	94.058.567.138	92.154.932.438
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.082.200.000.000	1.105.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	227.060.019.512	435.803.047.581
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(919.421.091)
IV. Hàng tồn kho	140		11.736.553	17.304.213
1. Hàng tồn kho	141		11.736.553	17.304.213
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.160.971.388	8.118.149.302
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.822.086	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	8.118.149.302	8.118.149.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.907.482.482.792	12.249.341.565.880
I. Tài sản cố định	220		388.658.835.928	390.813.729.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.542.557.580	16.697.451.466
- Nguyên giá	222		87.128.164.619	87.337.719.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.585.607.039)	(70.640.267.698)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	374.116.278.348	374.116.278.348
- Nguyên giá	228		392.700.060.022	392.700.060.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.583.781.674)	(18.583.781.674)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		881.725.857.908	881.321.184.653
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	881.725.857.908	881.321.184.653
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.623.305.986.956	10.962.409.780.317
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	11.625.303.583.730	11.625.303.583.730
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	342.169.399.950	342.169.399.950
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.350.118.400.118)	(3.011.014.606.757)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.791.802.000	14.796.871.096
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.791.802.000	14.796.871.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.687.859.079.033	17.003.684.047.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		176.788.416.527	307.886.984.521
I. Nợ ngắn hạn	310		176.788.416.527	307.886.984.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	33.099.209.255	37.442.962.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		848.846.439	417.505.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	14.971.590.367	91.985.565.794
4. Phải trả người lao động	314		44.619.993.643	53.855.628.598
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	26.222.831.075	63.438.222.680
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	36.335.747.465	27.113.750.458
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.690.198.283	33.633.349.155
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.511.070.662.506	16.695.797.062.908
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	16.511.070.662.506	16.695.797.062.908
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.563.952.104.939	1.563.952.104.939
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(184.726.400.402)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(184.726.400.402)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.687.859.079.033	17.003.684.047.429

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	213.180.080.289	227.428.540.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		213.180.080.289	227.428.540.121
4. Giá vốn hàng bán	11	25	6.628.894.653	8.543.162.206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		206.551.185.636	218.885.377.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	192.975.262.179	645.044.149.194
7. Chi phí tài chính	22	27	339.177.112.195	96.780.285.017
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	237.947.539.261	321.364.995.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(177.598.203.641)	445.784.246.857
11. Thu nhập khác	31	29	5.400.000	136.325.218
12. Chi phí khác	32	29	7.133.596.761	1.208.399.376
13. Lợi nhuận khác	40		(7.128.196.761)	(1.072.074.158)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(184.726.400.402)	444.712.172.699
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(184.726.400.402)	444.712.172.699

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(184.726.400.402)	444.712.172.699
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.200.339.341	4.131.683.457
- Các khoản dự phòng	03	338.184.372.270	96.270.672.050
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(74.889.213)	14.826.115
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(192.812.556.994)	(644.946.913.082)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(37.229.134.998)	(99.817.558.761)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	52.484.261.957	(166.478.549.720)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	5.567.660	4.165.444
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(47.081.489.253)	(7.471.075.243)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.005.069.096	8.687.820.689
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.281.731.259	40.020.516.520
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.053.331.622)	(72.563.866.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.587.325.901)	(297.618.547.562)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.445.455)	(299.590.910)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.144.000.000.000)	(1.556.023.912.921)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.708.082.073.276	1.710.269.849.342
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	379.937.978.804	510.766.501.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.025.393.375)	664.712.847.022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(78.650.151.633)	(395.837.322.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.650.151.633)	(395.837.322.035)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(171.262.870.909)	(28.743.022.575)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	660.048.959.170	688.806.807.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	74.889.213	(14.826.115)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	488.860.977.474	660.048.959.170

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; và đổi tên từ Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thành Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 852/QĐ-BXD ngày 21/10/2019 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2011, đăng ký sửa đổi lần thứ bảy được cấp ngày 20/02/2025.

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì loại hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 là 238 người (tại ngày 31/12/2023: 235 người).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng công ty

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem (VTCL).

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Tổng công ty sẽ tổ chức lại CCID và VTCL vào thời điểm thích hợp, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của VICEM và quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,52%	79,52%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than, rác bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (i)	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (i)	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, VLXD
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (i)	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (i)	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (i)	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con góp vốn đầu tư trực tiếp, Tổng công ty có các công ty con sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem) (*)	Hồ Chí Minh	47,80%	95,45%	Kinh doanh bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết được tính trên vốn góp thực tế của chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2024.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Nam Định	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	49,00%	49,00%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i): Các công ty liên doanh.

(ii): Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở cộng số liệu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15/6/2011, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng Vicem, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng Vicem do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng Vicem hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh trước ngày đầu tư được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

4.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.

4.8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo pháp luật về thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.692.788.174	594.420.945
Tiền gửi ngân hàng	127.646.503.302	154.708.263.628
Các khoản tương đương tiền (i)	359.521.685.998	504.746.274.597
Cộng	488.860.977.474	660.048.959.170

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các tổ chức tín dụng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.568.450.138.939	2.088.399.236.914
Cộng	2.568.450.138.939	2.088.399.236.914

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	310.848.229.591	364.920.631.615
Phải thu khách hàng khác	725.955.646	299.641.407
Cộng	311.574.185.237	365.220.273.022

Chi tiết phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	15.666.168.330	24.615.322.650
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.187.703.981	4.207.818.555
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	2.165.514.034	646.871.065
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	192.602.744.930	269.680.480.312
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	47.490.474.867	33.205.150.178
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	36.274.592.009	23.063.240.857
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4.194.785.716	2.148.239.121
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	4.900.257.014	3.987.295.058
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	439.267.899	97.165.258
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.924.360.393	531.011.607
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	-	904.684.075
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	118.733.311	321.162.162
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	147.521.980	105.795.184
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	35.969.540	33.901.905
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	2.341.836
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	306.291.926	362.706.909
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	94.705.512	261.571.125
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	196.861.932	233.527.975
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	79.450.941	58.039.957
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	22.825.276	19.445.790
Công ty TNHH Siam City Cement	-	434.860.036
Cộng	310.848.229.591	364.920.631.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	32.751.879.820	32.751.879.820
Các nhà cung cấp khác	4.589.881.435	2.686.246.735
Cộng	94.058.567.138	92.154.932.438

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 31/12/2024, Tổng công ty có các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	394.000.000.000	396.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	172.000.000.000	180.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	76.500.000.000	77.500.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	250.000.000.000	260.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	148.500.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	41.200.000.000	42.000.000.000
Cộng	1.082.200.000.000	1.105.500.000.000

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu lãi cho vay (*)	44.585.742.195	-	43.933.210.439	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	54.422.007.500	-	246.537.724.400	-
Phải thu chênh lệch Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ tại Vicem Hải Phòng (*)	83.603.309.386	-	83.603.309.386	-
Phải thu về cổ phần hóa	7.499.783.218	-	7.499.783.218	-
Lãi dự thu ngân hàng	32.079.338.700	-	48.576.976.791	-
Tạm ứng	3.885.999.997	-	4.817.213.997	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu khác	963.838.516	-	814.829.350	-
Cộng	227.060.019.512	-	435.803.047.581	-

(*): Các khoản phải thu bên liên quan, chi tiết xem Thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc (*) VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	28.058.112.481	87.337.719.164
Mua trong năm	-	-	-	45.445.455	45.445.455
Giảm khác	-	-	-	(255.000.000)	(255.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	27.848.557.936	87.128.164.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	25.169.205.131	1.125.420.343	17.087.505.604	27.258.136.620	70.640.267.698
Khấu hao trong năm	256.658.208	-	1.427.095.140	516.585.993	2.200.339.341
Giảm khác	-	-	-	(255.000.000)	(255.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	25.425.863.339	1.125.420.343	18.514.600.744	27.519.722.613	72.585.607.039
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	5.922.652.479	-	9.974.823.126	799.975.861	16.697.451.466
Tại ngày 31/12/2024	5.665.994.271	-	8.547.727.986	328.835.323	14.542.557.580
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	12.339.187.200	1.125.420.343	5.127.004.783	25.823.247.037	44.414.859.363
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao, hư hỏng không sử dụng được	120.053.981	-	7.664.372.677	1.025.417.589	8.809.844.247
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao không có nhu cầu sử dụng	5.799.706.162	-	-	-	5.799.706.162

(*): Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2024 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trình quá trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
Tại ngày 31/12/2024	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674
Tại ngày 31/12/2024	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348
Tại ngày 31/12/2024	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	-	13.529.892.874	1.802.685.000	15.332.577.874
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao, hư hỏng không sử dụng được	-	300.767.800	2.950.436.000	3.251.203.800

(*): Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM ("Dự án"). Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư (20/9/2010).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	773.464.176.424	773.059.503.169
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
Cộng	881.725.857.908	881.321.184.653

- (i) Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM; Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về điều chỉnh nội dung chủ trương đầu tư tại Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do UBND Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010. Tổng mức đầu tư của Dự án sau điều chỉnh là 2.743,76 tỷ đồng. Theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019, UBND Thành phố Hà Nội đã chấp thuận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng Dự án. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng Dự án.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM".

Ngày 28/03/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 1160/BXD-KHTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận chủ trương cho phép VICEM được tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án.

Ngày 02/8/2023, tại Công văn số 5873/VPCP-CN, Văn phòng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chỉ đạo VICEM tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 3692/BXD-KHTC gửi VICEM về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5873/VPCP-CN ngày 02/8/2023 về Dự án.

Hội đồng thành viên VICEM có Nghị quyết số 2313/NQ-VICEM ngày 07/12/2023 thống nhất tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án và Nghị quyết số 1030/NQ-VICEM ngày 01/7/2024 thống nhất chủ trương điều chỉnh thiết kế Dự án.

Ngày 26/9/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1557/QĐ-VICEM về việc phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án. Trên cơ sở đó, ngày 02/10/2024, VICEM đã gửi hồ sơ xin điều chỉnh dự án đầu tư lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Ngày 17/12/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Nghị quyết số 2173/NQ-VICEM về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư với tổng mức đầu tư của Dự án sau điều chỉnh là 2.227,76 tỷ đồng, thời gian hoàn thành đưa vào sử dụng là Quý IV/2026; và có văn bản số 2176/VICEM-HĐTV ngày 17/12/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nêu trên.

VICEM đã triển khai trở lại Dự án kể từ ngày 05/3/2025; đồng thời, đang tập trung báo cáo và hoàn thiện theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện đầu tư, hoàn thiện Dự án theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 và ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại văn bản số 6263/BXD-KHTC ngày 12/11/2024 về việc triển khai Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024 về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- (ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được Hội đồng thành viên VICEM phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012, tổng mức đầu tư của Dự án là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo quy định.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC yêu cầu VICEM làm rõ mục đích, kế hoạch sử dụng phần diện tích đất 34.413,6 m² và xem xét đề xuất lại hình thức sắp xếp đối với phần diện tích đất là đường đi chung và phần diện tích đất thuộc quy hoạch mở đường.

Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1435/VICEM-HĐTV ngày 18/7/2023, văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/01/2024, văn bản số 181/VICEM-HĐTV ngày 05/02/2024 và văn bản số 518/VICEM-HĐTV ngày 10/4/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về rà soát, cập nhật Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025.

Ngày 11/6/2024, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 528/QĐ-BXD phê duyệt Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025. Ngày 14/8/2024, Hội đồng thành viên VICEM có Quyết định số 1319/QĐ-VICEM phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025, theo đó định hướng:

- Tiếp tục làm việc với Thành phố Hà Nội rà soát, xử lý tồn tại của dự án.
- Tiếp tục quản lý sử dụng, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định hiện hành.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục rà soát, xử lý theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó, đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC, trong đó đối với Khu đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An (dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi) yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM cập nhật vào kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để xin hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục để xử lý dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023, UBND tỉnh Nghệ An đã thống nhất với đề xuất của VICEM về chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và về nguyên tắc ủng hộ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đề xuất dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục để chấm dứt hoạt động, xử lý tài chính, tài sản theo đúng quy định.

Ngày 24/8/2023, Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1654/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về việc triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung tại KCN Đông Hồi, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25/12/2023, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 4756/XMHM-NĐD trình VICEM về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại KCN Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 25/01/2024, VICEM có văn bản số 117/VICEM-ĐTXD gửi Vicem Hoàng Mai và Người đại diện phần vốn của VICEM tại Vicem Hoàng Mai góp ý về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại Đông Hồi - Nghệ An. Vicem Hoàng Mai đang phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục hoàn thiện báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét thống nhất chủ trương để triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung và gắn với đề xuất của Vicem Hoàng Mai về thực hiện dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM của Hội đồng thành viên VICEM ban hành ngày 04/4/2016, tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng. VICEM và Vicem Hoàng Mai có văn bản báo cáo UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận cho Vicem Hoàng Mai tiếp tục lập dự án hoặc/và làm Nhà đầu tư thực hiện dự án cảng biển tại Đông Hồi, tỉnh Nghệ An đồng bộ với dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: Dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An có nội dung: Sau khi quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 và Quy

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

hoạch chi tiết khu bến cảng Đông Hồi được phê duyệt, đáp ứng đủ nhu cầu hàng hóa thông qua cảng, đề nghị Vicem Hoàng Mai đề xuất đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Ngày 02/02/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An có văn bản số 122/KKT-KHĐT gửi VICEM và Vicem Hoàng Mai đề hướng dẫn triển khai thực hiện Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023.

Ngày 03/10/2024, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3600/XMHM-ĐTĐXD gửi VICEM về việc xin ý kiến góp ý hoàn thiện nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 29/10/2024, VICEM có văn bản số 1758/VICEM-ĐTĐXD gửi Vicem Hoàng Mai về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An.

Ngày 10/12/2024, Vicem Hoàng Mai đã nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An lên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM và Vicem Hoàng Mai đang tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An và xử lý tài chính dự án dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi theo đúng quy định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi	13.791.802.000	13.791.802.000
Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.005.069.096
Cộng	13.791.802.000	14.796.871.096

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875.000.000.000	-	1.875.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	920.000.000.000	(60.423.409.084)	920.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.132.027.198.900)	1.132.027.198.900	(1.069.087.359.567)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	(134.540.860.368)	898.556.152.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	(60.852.006.524)	314.637.600.000	(27.647.835.035)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(301.043.274.451)	516.550.000.000	(252.585.043.502)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	(1.471.167.531)	65.147.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
Cộng	11.625.303.583.730	(3.296.216.376.858)	11.625.303.583.730	(2.955.178.698.104)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
Công ty Xi măng Chinfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(12.000.000.000)	12.000.000.000	(10.228.000.000)
Cộng	2.005.951.403.394	(12.000.000.000)	2.005.951.403.394	(10.228.000.000)

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai	43.625.888.700	(41.902.023.260)	43.625.888.700	(41.357.644.700)
Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	-	96.000.000.000	(4.250.263.953)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Cộng	342.169.399.950	(41.902.023.260)	342.169.399.950	(45.607.908.653)

Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	7.048.668.199	7.048.668.199	10.259.343.925	10.259.343.925
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	5.652.019.930	5.652.019.930	1.677.208.852	1.677.208.852
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	282.000.000	282.000.000	282.000.000	282.000.000
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	-	4.665.195.739	4.665.195.739
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	529.749.623	529.749.623	2.552.738.147	2.552.738.147
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	584.898.646	584.898.646	1.082.201.187	1.082.201.187
Phải trả người bán khác	26.050.541.056	26.050.541.056	27.183.618.300	27.183.618.300
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Các nhà cung cấp khác	860.146.864	860.146.864	1.993.224.108	1.993.224.108
Cộng	33.099.209.255	33.099.209.255	37.442.962.225	37.442.962.225

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.899.990.921	13.476.833.926	13.440.252.260	3.936.572.587
Thuế thu nhập cá nhân	568.849.202	23.241.047.163	22.980.568.945	829.327.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.095.621.635)	-	-	(8.095.621.635)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách nhà nước	87.516.725.671	-	78.650.151.633	8.866.574.038
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.493.390.252	11.493.390.252	-
Các loại thuế, phí khác	(22.527.667)	6.612.460.846	5.273.344.524	1.316.588.655
- Phải thu	(22.527.667)	-	-	(22.527.667)
- Phải nộp	-	6.612.460.846	5.273.344.524	1.339.116.322
Cộng	83.867.416.492	54.823.732.187	131.837.707.614	6.853.441.065
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.118.149.302			8.118.149.302
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	91.985.565.794			14.971.590.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả về đầu tư xây dựng cơ bản	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí từ thiện, ủng hộ	4.015.998.879	37.396.473.041
Chi phí phải trả khác	2.790.851.165	6.625.768.608
Cộng	26.222.831.075	63.438.222.680

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	156.374.043	133.791.841
Phải trả về cổ phần hóa	10.200.000	10.200.000
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	26.119.125.738	18.947.575.229
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Các khoản khác	6.850.889.862	4.823.025.566
Cộng	36.335.747.465	27.113.750.458

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các công ty thành viên gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của người lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của cán bộ công nhân viên Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của cán bộ công nhân viên lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được đóng góp từ các công ty thành viên và Công ty mẹ - VICEM.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.430.538.453.129	-	16.562.383.411.098
Lãi trong năm	-	-	-	444.712.172.699	444.712.172.699
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	133.413.651.810	(133.413.651.810)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(34.227.750.000)	(34.227.750.000)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(277.070.770.889)	(277.070.770.889)
Tại ngày 01/01/2024	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.563.952.104.939	-	16.695.797.062.908
Lỗ trong năm	-	-	-	(184.726.400.402)	(184.726.400.402)
Tại ngày 31/12/2024	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.563.952.104.939	(184.726.400.402)	16.511.070.662.506

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	78.679,68	78.692,87
- Euro (EUR)	483,00	483,00

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu phí tư vấn	207.530.632.339	220.847.617.736
Doanh thu dịch vụ khác	5.649.447.950	6.580.922.385
Cộng	213.180.080.289	227.428.540.121

Doanh thu phí tư vấn với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	48.056.707.728	50.754.098.488
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	9.044.482.317	10.862.544.927
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.261.938.302	1.346.825.742
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	105.914.413.804	111.304.258.116
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	18.438.939.302	15.582.170.738
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	12.289.131.938	12.313.051.234
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	7.817.166.888	8.035.998.874
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	845.335.144	902.931.002
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	326.146.992	234.210.150
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.290.137.764	2.201.801.006
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(15.982.034)	4.269.117.171
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	385.256.537	401.121.994
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	26.825.729	127.845.637
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	356.538	191.917.103
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	(233.607)	52.003.050
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	4.764.686
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	1.400.312.771	1.490.150.566
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	(32.182.078)	342.350.163
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	134.253.062	121.452.442
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	278.398.105	226.792.483
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	69.227.137	82.212.164
Cộng	207.530.632.339	220.847.617.736

Doanh thu dịch vụ khác với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	185.600.000	452.064.363
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	895.035.672	101.047.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	421.990.372	788.801.415
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	1.469.896.851	582.797.445
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	353.615.262	1.302.948.104
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	271.038.913
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	292.592.593	746.137.037
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	486.129.638	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	141.682.139
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	56.198.823	55.251.415
Công ty TNHH Siam City Cement	-	1.714.192.811
Cộng	4.161.059.211	6.155.960.642

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.628.894.653	8.543.162.206
Cộng	6.628.894.653	8.543.162.206

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	118.310.128.835	179.184.762.304
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	19.129.012.059	40.711.306.329
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.373.416.100	425.050.844.449
Lãi chênh lệch tỷ giá	162.705.185	97.236.112
Cộng	192.975.262.179	645.044.149.194

Chi tiết cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	14.231.431.112
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	-	121.641.035.200
Công ty Cổ phần Xi măng Bím Sơn	-	45.062.007.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	29.474.681.700
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	1.964.172.100	5.892.516.300
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	1.073.584.200	2.147.168.400
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	-	162.906.000
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	201.270.000
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	1.968.708.300	3.937.416.600
Công ty Xi măng Nghi Sơn	42.094.500.000	60.648.700.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	-	83.773.331.037
Công ty Xi măng Chínfon	3.465.600.000	5.631.600.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	-	45.859.564.900
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	368.862.500	442.635.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	1.851.899.400	2.469.199.200
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bím Sơn	372.400.000	372.400.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	113.689.600	284.224.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	-	1.768.757.500
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	2.100.000.000	1.050.000.000
Cộng	55.373.416.100	425.050.844.449

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.964.520.546	7.974.082.191
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	3.814.441.097	8.512.068.494
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.659.750.687	3.546.352.054
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	5.574.841.099	12.120.951.536
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	3.218.128.768	6.552.328.767
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	897.329.862	2.005.523.287
Cộng	19.129.012.059	40.711.306.329

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.318.834	44.992.729
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	339.103.793.361	96.735.292.288
Cộng	339.177.112.195	96.780.285.017

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	146.913.212.467	145.985.581.641
Chi phí vật liệu quản lý	4.614.109.978	4.756.928.952
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.057.530.900	1.950.007.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.200.339.341	4.131.683.457
Thuế, phí và lệ phí	12.294.117.180	11.876.386.756
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(919.421.091)	(464.620.238)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.361.627.541	17.457.952.679
Chi phí khác	58.426.022.945	135.671.074.232
Cộng	237.947.539.261	321.364.995.235

29. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	5.400.000	136.325.218
Cộng	5.400.000	136.325.218
Chi phí khác		
Tiền thuế GTGT không được trừ phân bổ cho hoạt động cho vay	492.376.190	1.207.785.625
Tiền chậm nộp, phạt thuế, truy thu thuế	6.617.246.135	613.751
Các khoản khác	23.974.436	-
Cộng	7.133.596.761	1.208.399.376

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(184.726.400.402)	444.712.172.699
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.780.691.240	76.859.094.854
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	74.889.213	14.826.115
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	(14.826.115)	(864.911.299)
- Chi phí không được trừ khác	10.720.628.142	77.709.180.038
Thu nhập chịu thuế	(173.945.709.162)	521.571.267.553
Thu nhập miễn thuế	55.373.416.100	425.050.844.449
Lỗi kết chuyển	-	96.520.423.104
Thu nhập tính thuế	(229.319.125.262)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.671.640.878	6.706.936.708
Chi phí nhân công	149.760.146.588	149.426.039.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.200.339.341	4.131.683.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.143.588.073	22.560.656.984
Chi phí khác bằng tiền	69.800.719.034	147.082.840.750
Cộng	244.576.433.914	329.908.157.441

32. GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Tổng công ty:

Bên liên quan

Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch
 Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng
 Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
 Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem
 Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng
 Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng
 Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng
 Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch
 Công ty Cổ phần Logistic Vicem

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bên liên quan

Công ty Xi măng Nghi Sơn
 Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)
 Công ty Xi măng Chínfon
 Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn
 Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch
 Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên
 Công ty Cổ phần Sông Đà 12
 Viện Công nghệ Xi măng Vicem

Mối quan hệ

Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
 Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
 Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Trong năm, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch mua hàng bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	12.915.097.050
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	21.458.780.035	2.019.249.558
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	588.386.448	2.677.257.633
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	7.982.642.593	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	261.111.111	635.101.853
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	2.924.493.230	4.419.752.629

Số dư phải thu lãi cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	11.938.602.737	7.974.082.191
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	850.194.521	1.537.438.356
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	3.582.958.905	3.582.958.905
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	9.443.239.728	8.783.489.041
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	5.574.841.099	12.120.951.536
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	12.795.115.069	9.576.986.301
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	400.790.136	357.304.109
Cộng	44.585.742.195	43.933.210.439

Số dư phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	-	171.641.035.200
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	30.062.007.500	45.062.007.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	24.000.000.000	29.474.681.700
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Cộng	54.422.007.500	246.537.724.400

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	105.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	648.528.281	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	93.749.791	128.560.011
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.568.367	-
Cộng	848.846.439	128.560.011

Số dư phải thu khác ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	85.279.572	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	89.334.582
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	422.968.157	431.898.157
Phải thu chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	83.603.309.386	83.603.309.386
Phải thu tiền điện		
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	52.408.758	40.887.535

Số dư phải trả khác ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Viện công nghệ Xi măng Vicem	1.084.054.637	679.434.653
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.070.161.050	1.070.161.050

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc	7.086.510.034	6.677.518.700

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Liên quan tới Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM, Liên danh nhà thầu Posco E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án với tổng giá trị là 166,6 tỷ đồng (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ đồng.

Gói thầu phát sinh một số vướng mắc chưa được hai bên thống nhất nên ngày 04/5/2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt Nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, Liên danh nhà thầu đề nghị giá trị quyết toán là 194,7 tỷ đồng (cao hơn 53,9 tỷ đồng so với giá trị Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu). Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Tổng công ty phải thanh toán trả cho Liên danh nhà thầu số tiền 53,9 tỷ đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là 27,5 tỷ đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng công ty đối với Liên danh; buộc Liên danh nhà thầu phải thanh toán trả cho Tổng công ty số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là 7,99 tỷ đồng. Ngày 10/12/2021, Tổng công ty đã gửi đơn kháng cáo số 2353/VICEM-KTPC đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 để tiếp tục được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 28/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 186/2022/KDTM-PT. Theo đó, Tòa án đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của VICEM và không chấp nhận kháng cáo của Liên danh nhà thầu về việc thanh toán phần việc thi công gói 19 và tiền phạt chậm tiến độ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tiền lãi chậm trả.

Ngày 05/12/2022, VICEM đã có đơn đề nghị gửi Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án đối với các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên.

Ngày 27/08/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 19/2023/KDTM-GĐT, theo đó Tòa án đã quyết định hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 186/2022/KDTM-PT ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng công ty chưa nhận được thông báo liên quan của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hầu hết hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. THÔNG TIN KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Kiểm soát viên	845.505.456	813.077.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được điều chỉnh hồi tố căn cứ vào kết quả rà soát báo cáo tài chính sau Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính số 116/KL-TTr ngày 5/11/2024. Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Sau điều chỉnh
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4.739.982.245.391	14.360.236.158	4.754.342.481.549
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.983.398.595.792	14.360.236.158	1.997.758.831.950
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	421.927.882.023	13.875.165.558	435.803.047.581
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.404.491.691)	485.070.600	(919.421.091)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	12.241.470.151.109	7.871.414.771	12.249.341.565.880
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10.955.543.434.642	6.866.345.675	10.962.409.780.317
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(3.017.880.952.432)	6.866.345.675	(3.011.014.606.757)
IV. Tài sản dài hạn khác	260	13.791.802.000	1.005.069.096	14.796.871.096
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.791.802.000	1.005.069.096	14.796.871.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	16.981.452.396.500	22.231.650.929	17.003.684.047.429
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	295.097.145.971	12.789.838.550	307.886.984.521
I. Nợ ngắn hạn	310	295.097.145.971	12.789.838.550	307.886.984.521
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	69.954.670.244	22.030.895.550	91.985.565.794
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	72.679.279.680	(9.241.057.000)	63.438.222.680
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16.686.355.250.529	9.441.812.379	16.695.797.062.908
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.554.510.292.560	9.441.812.379	1.563.952.104.939
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	16.981.452.396.500	22.231.650.929	17.003.684.047.429

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Sau điều chỉnh
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	638.668.766.854	6.375.382.340	645.044.149.194
7. Chi phí tài chính	22	103.646.630.692	(6.866.345.675)	96.780.285.017
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	339.595.975.149	(18.230.979.914)	321.364.995.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	414.311.538.928	31.472.707.929	445.784.246.857
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	413.239.464.770	31.472.707.929	444.712.172.699
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	413.239.464.770	31.472.707.929	444.712.172.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Sau điều chỉnh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	413.239.464.770	31.472.707.929	444.712.172.699
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Các khoản dự phòng	03	103.622.088.325	(7.351.416.275)	96.270.672.050
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(638.571.530.742)	(6.375.382.340)	(644.946.913.082)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(117.563.468.075)	17.745.909.314	(99.817.558.761)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(158.978.766.502)	(7.499.783.218)	(166.478.549.720)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.769.981.757	(9.241.057.000)	(7.471.075.243)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.692.889.785	(1.005.069.096)	8.687.820.689

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh